TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HSST
Ngày: 05/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T- TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bình Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Đang - Giám đốc Trung tâm văn hóa du lịch, thể thao và truyền thông huyện T, tỉnh Kon Tum;

+ Bà Y Hương- Bí thư Huyện đoàn huyện T, tỉnh Kon Tum;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Chí Dũng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kon Tum;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 05/11/2019 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Kon Tum mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2019/TLST-HS ngày 24/9/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HS, ngày 22/10/2019 đối với các bị cáo:

A L (Tên gọi khác: Đ), sinh ngày 19/02/2000 tại T- Kon Tum. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Xê Đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A P, sinh năm 1962 và bà Y D, sinh năm 1967; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, Tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 08/5/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

A T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 15/4/2001 tại T- Kon Tum. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc:Xê Đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A Đ, sinh năm 1977 và bà Y C, sinh năm 1977; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, Tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 08/5/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại*:Anh A K, sinh năm 1997.Trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Trần Văn M, sinh năm 1988. Trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum. Có mặt tại phiên tòa.

+ Ông A Đ, sinh năm 1977.Trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng*: Chị Y P, sinh năm 2002. Trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp cho người làm chứng:*

Ông A N, sinh năm 1977.Trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 02/3/2019 tại nhà anh Trần Văn M (Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum), trong lúc ngồi nhậu A L rủ A T đến nhà A K để chém do có mẫu thuẫn từ trước thì A T đồng ý. Đến khoảng 00 giờ ngày 03/3/2019, A L lấy một con dao rựa từ nhà anh Minh, rồi ngồi lên xe môtô mang biển kiểm soát 82G1-007.30 do A T điều khiển, đi về nhà A T lấy thêm một con dao rựa để làm hung khí. A T chở A L đến thôn K, xã Đ để tìm A K, khi đến khu vực cầu xây cách nhà A K khoảng 50 mét thì dừng lại, A T chỉ nhà A K cho A L biết.Lúc này A T định vào chém nhưng A L cản lại để A L vào chém một mình, còn A T ngồi ở ngoài đợi. A L cầm theo một con dao rựa xông vào mở cửa nhà A K, lúc này A K đã nằm ngủ say, do có ánh đèn điện thoại chiếu sáng nên A L biết chính xác đó là A K. A L tiến lại gần giơ dao rựa lên định chém thì em gái A K là Y P đang nằm giường đối diện tỉnh dậy bước xuống giường, tay phải A L cầm dao rựa giơ lên chém từ trên xuống dưới liên tiếp 02 phát vào tay phải và vùng bụng của A K. Sau đó, A L chạy ra cửa, lúc này Y P la lên. A L chạy ra khỏi nhà và đến chỗ A T đợi sẵn, sau đó cả hai chạy về nhà anh Trần Văn M cất dao rựa rồi đi ngủ.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 55/TgT-TTPY ngày 19/4/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Kon Tum kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của A K gồm: Sẹo đường giữa trên rốn + sẹo ở hạ sườn bên phải + sẹo ở cổ tay bên phải 09%; Cắt đoạn hỗng tràng 43%; Gãy mõm trâm trụ bên phải 06%; Đứt gân duỗi bàn tay bên phải đã khâu nối, ảnh hưởng nhiều đến động tác khớp cổ tay 07%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 55%.

Về vật chứng vụ án: Một con dao rựa (dài khoảng 60cm, có lưỡi dao bằng kim loại dài khoảng 35cm, bị mẻ ba miếng cách cán dao khoảng 10cm. mũi dao cong, chỗ nối giữa lưỡi và cán dao có khuyên kim loại màu trắng) A L dùng để

chém A K. Cơ quan điều tra Công an huyện T phối hợp với Công an xã Đ tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không thấy.

Một con dao rựa (dài 50 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 25cm, có mũi cong, cán dao bằng tre dài 25cm, giữa có khuyên bằng kim loại dài 5cm). Cơ quan điều tra đã xác minh đây là tài sản của ông A Đ. Việc A T tự ý lấy dao rựa đi đánh nhau ông A Đ hoàn toàn không biết nên Cơ quan điều tra trả lại cho ông A Đ.

Đối với chiếc xe môtô nhãn hiệu SYM màu đỏ bạc, mang biển khiển soát 82G1-007.30 và đăng ký xe: Quá trình điều tra đã xác minh đây là tài sản của anh Trần Văn M, việc A L và A T tự ý lấy đi anh Minh hoàn toàn không biết nên Cơ quan điều tra trả lại tài sản cho anh Trần Văn M.

Về trách nhiệm dân sự: A L đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại A K số tiền 10.000.000đ, một con heo trị giá 1.000.000đ, một con gà trị giá 100.000đ và A T đã tác động gia đình bồi thường cho A K số tiền 3.000.000đ để khắc phục hậu quả. Người bị hại A K không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của người bị hại, tài liệu liên quan có tại hồ sơ vụ án. Tại Bản cáo trạng số: 04/CT-VKS ngày 24/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo A L và A T về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự *(Thuộc trường hợp quy định tại điểm a, c, i khoản 1 Điều 134 BLHS).* Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo A L và A T phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

Áp dụng: Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 điều 52; Khoản 1, khoản 3 điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo A L từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng đến 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 08/5/2019.

Áp dụng: Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 2 điều 54; Khoản 1, khoản 3 điều 17; Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo A T từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 08/5/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo và người bị hại tự thỏa thuận bồi thường và đã bồi thường xong, người bị hại anh A K không yêu cầu gì thêmnên không đề cập.

Về xử lý vật chứng và án phí: Theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt nhẹ nhất để các bị cáo sớm cải tạo thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]*Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:* Bị cáo A L và A T thực hiện hành vi cố ý gây thương tích tại Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 268, 269 Bộ luật tố tụng hình sự.

Cơ quan điều tra Công an huyện T, điều tra viên; Viện kiểm sát và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]*Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:* Quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa, bị cáo A L và A T đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 00 giờ ngày 03/3/2019, A L và A T mang theo hai con rựa đến nhà A K để chém. Khi đến nơi, A T chờ ở ngoài, còn A L vào nhà, dùng rựa bằng tay phải chém hai nhát từ trên xuống dưới trúng vào vùng tay và bụng của A K, trong lúc A K đang ngủ say, gây tổn thương cơ thể cho A K 55%.

Xét thấy, chỉ vì một mâu thuẫn nhỏ nhặt từ trước mà các bị cáo đã chuẩn bị dao rựa là hung khí nguy hiểm đến nhà A K và chém A K hai nhát vào tay và bụng trong lúc A K đang ngủ say không có khả năng tự vệ, gây tổn thương cơ thể cho A K 55% đã xâm phạm đến sức khỏe của A K, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho người dân, làm mất trật tự trị an trên địa bàn. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi đều đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS với tình tiết định khung "Dùng hung khí nguy hiểm", "người khác không có khả năng tự vệ" và "có tính chất côn đồ" là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với các bị cáo:* Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo A L đã chủ động khởi xướng, rủ rê A T là người dưới 18 tuổi cùng đi gây thương tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm o khoản 1 điều 52 BLHS. A L cũng là trực tiếp gây thương tích cho A K. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo A L mức án nghiêm khắc để răn đe riêng và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo A T: Bị cáo không trực tiếp chém gây thương tích cho A K nhưng giúp sức về tinh thần cho bị cáo A L thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã chuẩn bị rựa và điều khiển xe môtô chở A L đi, chỉ nhà cho A L vào chém A K nên A T cũng phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò là đồng phạm với A L. Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo A T mới được 17 năm 10 tháng 18 ngày tuổi, là người chưa thành niên phạm tội nên ngoài được hưởng các tình tiết giảm nhẹ đã nêu trên, bị cáo còn được áp dụng điều 91, khoản 1 điều 101 của Bộ luật hình sự. Mặt khác, bị cáo phạm tội lần đầu, là người giúp sức có vai trò không đáng kể nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 54 của Bộ luật hình sự cân nhắc, cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực học tập, cải tạo trở thành người công dân tốt cho xã hội.

[4]*Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo A L đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại A K số tiền 10.000.000đ, một con heo trị giá 1.000.000đ và một con gà trị giá 100.000đ; Bị cáo A T đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường cho người bị hại A K số tiền 3.000.000đ để khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa, người bị hại A K không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem về trách nhiệm dân sự nữa.

Trong quá trình A K điều trị tại bệnh viện có anh A Dên chăm sóc trong thời gian 09 ngày nhưng A Dên không yêu cầu được trả tiền mất thu nhập trong thời gian chăm sóc A K và đề nghị không tham gia tố tụng; A K cũng không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên HĐXX không đề cập đến.

[5] *Về xử lý vật chứng:* Một con dao rựa *(dài khoảng 60cm, có lưỡi dao bằng kim loại dài khoảng 35cm, bị mẻ ba miếng cách cán dao khoảng 10cm. mũi dao cong, chỗ nối giữa lưỡi và cán dao có khuyên kim loại màu trắng)* A L dùng để chém A K, Cơ quan điều tra đãtiến hành truy tìm vật chứng nhưng

không tìm thấy và anh Minh cũng không yêu cầu trả lại nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Đối với một con dao rựa *(dài 50 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 25cm, có mũi cong, cán dao bằng tre dài 25cm, giữa có khuyên bằng kim loại dài 5cm)*là tài sản của ông A Đ; Việc A T tự ý lấy dao rựa đi đánh nhau ông A Đ hoàn toàn không biết nên Cơ quan điều tra trả lại tài sản cho ông A Đ là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với chiếc xe môtô nhãn hiệu SYM màu đỏ bạc, mang biển khiển soát 82G1-007.30 và đăng ký xe: Quá trình điều tra xác minh đây là tài sản của anh Trần Văn M, việc A L và A T tự ý lấy đi anh Minh hoàn toàn không biết. Do đó, cơ quan điều tra trả lại tài sản cho anh Trần Văn Mlà phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]*Về án phí hình sự sơ thẩm:* Tại phiên tòa, bị cáo A L và A T có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm. Xét thấy, các bị cáo đều là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, do vậy cần áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016của Uỷ ban thường vụ Quốc hộivề án phí, lệ phí Tòa án để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo A L và A T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh:*Tuyên bố các bị cáo A L và A Tphạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

2.*Về điều luật áp dụng và hình phạt:*

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo A L 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 08/5/2019.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 17; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo A T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 08/5/2019.

3. *Về án phí hình sự:* Căn cứ khoản 1 điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 và điểm đ khoản 1 Điều 12Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo A L và A T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/11/2019)./.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Bình Thanh

4. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/11/2019)./.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**